

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án thành phần số 10: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bình Thuận thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Các văn bản của UBND tỉnh Bình Thuận: số 1562/UBND-ĐTQH ngày 08/5/2023 về việc giao Chủ đầu tư giai đoạn thực hiện dự án thành phần số 10; số 1772/UBND-ĐTQH ngày 22/5/2023 về việc thống nhất quy mô, tổng mức đầu tư Sửa chữa cấp bách bảo đảm an toàn một số hồ chứa tỉnh Bình Thuận;

Xét Tờ trình số 64/TTr-BQL2-KHĐT ngày 28/4/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án phần số 10: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bình Thuận thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 795/BC-TL-ATĐ ngày 30/6/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 10: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bình Thuận thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 10: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bình Thuận.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối các hồ chứa nước Sông Móng, Cà Giây nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi - Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - Công ty TNHH Nam Việt - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh và Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

6. Địa điểm xây dựng:

- Hồ Sông Móng: Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
- Hồ Cà Giây: Huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm C.
- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:
 - + Cấp công trình: Cấp II.
 - + Tần suất lũ thiết kế (%): 1,0%
 - + Tần suất lũ kiểm tra (%): 0,2%

9. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước: - Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571:2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298:2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147:2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

11.1. Hồ Sông Móng

a) Đập đất:

- Gia cố mặt đập bằng bê tông M250 dày 20cm.
- Mái thượng lưu: Giữ nguyên hiện trạng.
- Mái hạ lưu: Xử lý các vị trí bị xói lở, tạo mặt phẳng mái, gia cố mái bằng Neoweb, chèn đất màu, trồng cỏ; làm hệ thống rãnh thoát nước dọc và ngang bằng bê tông M200.
- Chống thấm hai bên mang tràn bằng khoan phụt dung dịch xi măng – sét.

b) Tràn xả lũ: Giữ nguyên hiện trạng.

c) Cống lấy nước: Giữ nguyên hiện trạng.

d) Công trình phục vụ quản lý vận hành:

- Hệ thống quan trắc công trình: Xây dựng hệ thống mốc quan trắc lún (12 mốc quan trắc lún); hệ thống quan trắc thấm; thước đo mực nước.
- Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng: Xây dựng hệ thống quan trắc gồm: 02 trạm đo mưa lưu vực; 01 trạm đo mưa kết hợp đo mực nước hồ;

02 trạm đo độ mở cửa tràn; 01 trạm đo độ mở cửa cống lấy nước; 01 trạm đo mực nước tại cửa ra cống lấy nước.

- Đường quản lý: Nâng cấp hệ thống đường quản lý theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A, kết nối đến các hạng mục công trình đầu mối với tổng chiều dài $L = 1,71\text{km}$. Kết cấu mặt đường bê tông M250.

- Đầu tư 01 máy phát điện dự phòng.

11.2. Hồ Cà Giây

a) Đập đất:

- Sửa chữa đỉnh đập: Gia cố mặt đập kết cấu bê tông M250 dày 20 cm.

- Xử lý các hồ xói bằng đầm cóc (đất đắp đạt độ chặt $K \geq 0,95$), làm hệ thống thoát nước bằng bê tông M200 (rãnh dọc, rãnh ngang và rãnh xiên), kích thước $b \times h = 0,15 \times 0,15\text{(m)}$, khoảng cách giữa các ô rãnh mái là $(7,0 \times 7,0)\text{m}$, chèn đất màu, trồng cỏ bảo vệ mái.

- Xây dựng lắp đặt hệ thống tưới ẩm bảo vệ cỏ mái hạ lưu.

b) Sửa chữa tràn sự cố:

Xử lý chống thấm mang trái tràn bằng phương pháp khoan phụt vữa xi măng – sét. Sửa chữa tấm lát mái bị hư hỏng.

c) Cống lấy nước: Thay thế 02 máy đóng mở đã hư hỏng bằng 02 máy mới (máy V20).

d) Công trình phục vụ quản lý vận hành

- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trên mặt đập, chiều cao cột đèn 9,0 m.

- Hệ thống quan trắc công trình: Xây dựng hệ thống quan trắc lún (9 mốc).

- Hệ thống quan trắc KTTV chuyên dùng: Xây dựng các trạm đo mưa tự động, camera giám sát tại đầu mối.

- Đường quản lý: Sửa chữa nâng cấp đường quản lý theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A, tổng chiều dài 2,53 km. Kết cấu mặt đường bê tông M250.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **71.228.000.000 đồng.**

(Bảy mươi một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu đồng)

TT	Nội dung	Giá trị sau thuế (đồng)
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	1.794.679.073
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	1.794.679.073
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	69.433.954.285
1	Chi phí xây dựng	47.930.458.240
2	Chi phí thiết bị	4.950.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	926.295.974

TT	Nội dung	Giá trị sau thuế (đồng)
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.738.368.080
5	Chi phí khác	1.198.274.247
6	Chi phí dự phòng	8.690.557.743
	Tổng cộng (A+B)	71.228.633.358
	Làm tròn	71.228.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021 ÷ 2023.

- Thực hiện dự án: 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC:

Các lưu ý chung:

- Kiểm tra, rà soát hệ thống quan trắc công trình (thảm, chuyên vị), hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và quy định pháp luật có liên quan; rà soát các nội dung phục vụ quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp (quy trình vận hành, cơ sở dữ liệu,...).

- Rà soát, kiểm tra cân đối khối lượng đất đào, đắp, các phương án nguồn cung cấp vật liệu đất đắp để đảm bảo tiến độ dự án.

- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

Đối với hồ Sông Móng: Rà soát, kiểm tra đánh giá hệ thống thiết bị tiêu nước thân đập (tiêu nước ống khói kết hợp đồng đá lăng trụ), các phương án gia cố bảo vệ mái hạ lưu để lựa chọn phương án tối ưu về kỹ thuật và kinh tế.

Đối với hồ Cà Giây: Rà soát, đánh giá xử lý thảm mang tràn sự cố, các vị trí hư hỏng mái gia cố tường mang tràn, thiết bị thoát nước thân đập, các phương án gia cố bảo vệ mái hạ lưu để lựa chọn phương án tối ưu về kỹ thuật và kinh tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện bảo đảm tiến độ của Dự án.

2. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận để thực hiện các bước tiếp theo;

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.

3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

4. Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các vụ Kế hoạch, Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở NN&PTNT Bình Thuận;
- Kho bạc NN Bình Thuận;
- Công ty KTTT Bình Thuận;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế (đồng)
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1.794.679.073
1	Hồ Sông Móng	980.815.354
2	Hồ Cà Giây	813.863.719
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ	
I	Chi phí xây dựng	47.930.458.240
	Hồ Sông Móng	22.421.717.098
	Hồ Cà Giây	25.508.741.142
II	Chi phí mua sắm thiết bị	4.950.000.000
	Hồ Sông Móng	2.950.000.000
	Hồ Cà Giây	2.000.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	926.295.974
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.738.368.080
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn thiết kế BVTC - dự toán	1.200.000.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	36.000.000
3	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC-xây dựng	1.273.032.971
4	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC- phần thiết bị	113.454.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	66.629.377
6	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	67.158.182
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.016.605.019
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị.	35.541.000
9	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	48.864.000
10	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (TT12/TT-BXD)	
	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	100.000.000
	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu giám sát thi công xây dựng	20.000.000
	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu khảo sát, thiết kế BVTC-DT	10.000.000
	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp thiết bị	2.000.000
	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lập quy trình vận hành	2.000.000
11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (Nếu có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước)	200.000.000

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế (đồng)
12	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	47.083.531
13	Chi phí tư vấn khác (QTVH, CSDL,...)	1.500.000.000
V	Chi phí khác	1.198.274.247
1	Bảo hiểm công trình	423.043.666
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC	13.071.943
3	Phí thẩm định dự toán	12.374.773
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	
	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	5.213.062
	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công xây dựng</i>	43.573.144
	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế BVTC-DT</i>	43.573.144
	<i>Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình</i>	43.573.144
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	203.321.004
6	Chi phí kiểm toán độc lập	318.495.250
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	92.035.118
VI	Chi phí dự phòng	8.690.557.743
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	6.074.339.654
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	2.616.218.089
	TỔNG CỘNG	71.228.633.358
	LÀM TRÒN	71.228.000.000